

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09/4/2024

V/v: Xin ly hôn giữa ông Nguyễn V và bà
Ngô H.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà ĐẶNG THỊ THANH HƯƠNG.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông CAO ĐÌNH NHÂN.

2/ Bà NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG.

- Thư ký phiên tòa: Bà TRỊNH THANH VÂN – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà BÙI THỊ LAN- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 509/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn V, sinh năm 1972. Nghề nghiệp: Làm nông.

Trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Bà Ngô H, sinh năm 1982. Nghề nghiệp: Làm nông

Trú tại: Thôn N, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông V có mặt, bà H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn ông V trình bày:**

Ông cùng bà Ngô H kết hôn với nhau vào năm 2019, có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu 05 năm. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 tháng. Sau đó bà H bỏ nhà đi, đi khoảng 02 thì bà H có nghe tin ông bán nhà, bà H về thì giữa ông và bà H thống nhất bán nhà, giá bán 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng), trừ chi phí, thuế sang nhượng, hoàn tất thủ tục hết 200.000.000đồng, còn lại 800.000.000đồng chia đôi, ông và bà H mỗi người nhận 400.000.000đồng. Sau khi nhận tiền bà H tiếp tục đi từ đó. Nay ông

xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Ông yêu cầu Toà án huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng giải quyết cho ông được ly hôn bà H để ông ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà H không có con chung.

Về tài sản chung: Trước đây vợ chồng ông có nhà và đất, sau đó vợ chồng đã thỏa thuận bán nhà và đất trên sau khi trừ chi phí còn 800.000.000đồng, chia đôi ông và bà H, mỗi người nhận 400.000.000đồng, hiện nay ông và H không còn tài sản chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Còn việc bà H trình bày về các tài sản chung thì ông không đồng ý, hiện tại giữa ông và bà H không còn tài sản nào, nếu sau này bà H có đơn yêu cầu Tòa án huyện Đ, tỉnh Đ phân chia tài sản chung của vợ chồng mà Tòa án xác định được vợ chồng ông còn tài sản nào thì ông hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận về nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***/ Bị đơn bà H trình bày:**

Bà cùng ông V chung sống với nhau vào năm 2010 nhưng đến năm 2019 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ đó cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nay ông V làm đơn yêu cầu ly hôn bà thì bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông V thỏa thuận phân chia tài sản rõ ràng.

Về con chung: Bà và ông V không có con chung.

Về tài sản chung gồm có:

-Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 19, thời gian sử dụng đất đến năm 2060, đất trồng cây lâu năm, diện tích là hơn 60.000m², trong đó có 18.018m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn lại hơn 40.000m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện đang canh tác sầu riêng và cà phê.

- Một lô đất thuộc dốc 3 tầng thuộc xã Đ với diện tích 60.000m², trong đó vợ chồng bà đã thỏa thuận chia cho mẹ ruột bà là bà Nguyễn Thị Đ 20.000m², vì đất này mẹ bà bỏ tiền ra mua đất rừng vào năm 2014 cùng làm với vợ chồng bà. Còn lại 40.000m² đất của vợ chồng bà đang trồng sầu riêng và cây ăn trái.

- Một lô đất 5.000m² thuộc gốc mít, thôn 1, xã Đ mua của ông Đình T.

- Một căn nhà cấp 4 trên đất ở thôn 3, xã Đ vợ chồng bà đã bán và đã phân chia xong.

Về tài sản chung nêu trên để vợ chồng bà tự thỏa thuận phân chia với nhau nếu trường hợp bà và ông V không tự thỏa thuận phân chia được thì bà sẽ

có đơn yêu cầu Toà án huyện Đ, tỉnh tỉnh Đắk Nông phân chia tài sản chung của vợ chồng cho bà và ông V.

Về nợ chung: Bà và ông V tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay ông V vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Ý kiến quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V được ly hôn bà H. Ông V và bà H không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung ông V, bà H không yêu cầu xem xét giải quyết nên không đề cập đến.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án “Xin ly hôn” giữa nguyên đơn ông Nguyễn V và bị đơn bà Ngô H.

Về tố tụng dân sự: Ông V có đơn đề nghị Tòa án huyện Đức Trọng giải quyết việc hôn nhân của ông bà. Theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tại phiên tòa hôm nay Tòa án triệu tập bà H hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà H vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt bà H.

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa ông V và bà H là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng bất đồng trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình từ đó vợ chồng thường xuyên xích mích, vợ chồng không tôn trọng, tin tưởng nhau. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không tìm ra hướng giải quyết. Vợ chồng đã ly thân, bà H đã về cha mẹ ruột ở thôn N, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng sinh sống từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay ông V làm đơn yêu cầu được ly hôn bà H thì bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Tuy nhiên bà không đồng ý ly hôn, bà cho rằng bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông V giải quyết phân chia tài sản chung rõ ràng. Xét thấy yêu cầu của bà H nêu trên không có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ việc phân chia tài sản chung giữa ông bà (nếu có) thì ông bà thoả thuận phân chia, trường hợp không thoả thuận phân chia được thì bà có quyền làm đơn yêu cầu Toà án phân chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Xét thấy hôn nhân giữa ông bà tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được nữa, ông bà đã ly thân, đời sống chung đã chấm dứt,

mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của ông V được ly hôn bà H là phù hợp, có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Ông V và H không có con chung.

Về tài sản chung: Trong quá trình tố tụng ông V cho rằng vợ chồng đã tự thoả thuận và đã phân chia tài sản chung, nay không còn tài sản do vậy ông không yêu cầu Toà án Đ xem xét giải quyết. Bà H trình bày vợ chồng có tài sản chung nêu trên. Tuy nhiên bà trình bày để vợ chồng bà tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án Đ xem xét giải quyết. Trường hợp nếu sau này không thoả thuận được bà sẽ có đơn yêu cầu Toà án huyện Đ, tỉnh Đắk Nông phân chia tài sản chung của vợ chồng cho bà và ông V. Do ông V và bà H không yêu cầu Toà án Đ xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp nếu sau này ông V, bà H có yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng quy định.

Về nợ chung: Ông V, bà H không yêu cầu Toà án Đ xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí: Ông V phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.
- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 195, 205, 211, 220, 227, 228, 264, 267 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- 1/ Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn V được ly hôn bà Ngô H.
- 2/ Về án phí: Ông Nguyễn V phải nộp toàn bộ án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (được trừ vào số tiền 300.000đồng ông V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002240 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng).
- 3/ Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ông V có quyền kháng cáo. Bà H vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật để xin Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện, tỉnh;
- THA DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐẶNG THỊ THANH HƯƠNG